TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-3-2019.
V/v: "Không công nhận vợ chồng giữa chị T và anh P"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Bùi Văn Lịch.

Bà: Lưu Thị Nhàn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:

Bà: Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2019 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T Sinh năm: 1971(*Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Vũ Văn P Sinh năm: 1968*(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2018 được bổ sung tại bản tự khai ngày 02/01/2019, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Văn P tổ chức lễ cưới vào ngày 21/11/1990. Trước khi tổ chức lễ cưới anh chị có đến UBND xã Nam T để đăng ký kết hôn nhưng không gặp được cán bộ tư pháp nên anh chị chưa đăng ký kết hôn. Từ đó cho đến nay anh chị vẫn chung sống với nhau như vợ chồng. Sau khi chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

là do anh P đã đi ngoại tình, mặc dù chị và người thân trong gia đình đã khuyên bảo nhưng anh không thay đổi. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân hai năm nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh P nên đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Vũ Văn P là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Xuân T sinh ngày 24/09/1991 và Vũ Thị P sinh ngày 28/09/1997. Hiện các con chung của anh chị đã trưởng thành và lao động tự lập. Vì vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản; công nợ chung: Anh chị không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 08/01/2019, bị đơn anh Vũ Văn P trình bày: Anh và chị Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu và đã tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào ngày 05/11/1990. Trước khi tổ chức lễ cưới anh chị có đến UBND xã N để đăng ký kết hôn nhưng cán bộ thực hiện việc đăng ký có việc bận. Cho đến thời điểm hiện nay, anh chị vẫn chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau đó vợ chồng về chung sống bình thường, đến những năm gần đây anh có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Từ đầu năm 2016 cho đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân, không đoàn tụ lại được. Nay chị T xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Xuân T sinh ngày 24/09/1991 và Vũ Thị P sinh ngày 28/09/1997. Hiện các con chung của anh chị đã trưởng thành và lao động tự lập. Vì vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản; công nợ chung: Anh chị không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Vũ Văn P vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Vũ Văn P.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T và anh Vũ Văn P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Chị Trần Thị T và anh Vũ Văn P tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào ngày 05/11/1990, chung sống với nhau như vợ chồng không thực hiện đăng ký kết hôn. Tại biên bản làm việc với UBND xã N, xác định không còn tài liệu lưu về việc đăng ký tư pháp, hộ tịch trước năm 2000 do đó không có căn cứ xác định việc chị T và anh P có đăng ký kết hôn hay không. Như vậy, dù anh chị đã đủ điều kiện kết hôn nhưng cho đến nay không thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, giữa chị T và anh P không phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ và chồng. Nay chị T xin ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Vũ Văn P.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Xuân T sinh ngày 24/09/1991 và Vũ Thị P sinh ngày 28/09/1997. Hiện các con chung của anh chị đã trưởng thành và lao động tự lập. Vì vậy, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh P cùng xác định không có tài sản, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T, anh Vũ Văn P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Vũ Văn P.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0002149 ngày 02/01/2019.

3.Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T, anh Vũ Văn P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Phạm Mạnh Cường